

KẾ HOẠCH

Đánh giá, xếp loại kết quả ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số Năm học 2021- 2022

Căn cứ các Công văn số 4096/BGDĐT-CNTT ngày 20 tháng 7 năm 2021, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2021-2022; Số 3279/SGDĐT-TCCBQLCL ngày 09/11/2021, của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT và công tác Thống kê giáo dục năm học 2021-2022;

Thực hiện công văn số 1276/PGD&ĐT-CNTT ngày 11/11/2021 của Phòng GD&ĐT Đông Triều, về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT và thống kê giáo dục năm học 2021-2022;

Công văn số 502/PGD&ĐT-CNTT ngày 18/5/2022 về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại kết quả ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số năm học 2021- 2022 của phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều.

Để đánh giá kết quả và tạo động lực thi đua thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và dạy học năm học 2021-2022 tại nhà trường. Trường THCS Mạo Khê II xây dựng kế hoạch đánh giá, xếp loại kết quả ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số năm học 2021-2022 của nhà trường, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá chính xác kết quả ứng dụng CNTT, CDS cụ thể của nhà trường, của CBGV-NV trong trường nhằm tạo ra phong trào thi đua ứng dụng CNTT, CDS vào quản lý và dạy học, góp phần đáp ứng yêu cầu CDS trong đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường, đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS hằng năm trên cơ sở theo dõi, tổ chức triển khai xây dựng, thực hiện hiệu quả các kế hoạch, đề án ứng dụng CNTT, CDS góp phần vào hoạt động quản lý và dạy học của toàn ngành, từng bước hiện đại hoá cơ sở hạ tầng thông tin.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, của giáo viên, nhân viên để tích cực ứng dụng CNTT, CDS vào hoạt động quản lý và dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT, CDS của nhà trường vào hoạt động dạy học và quản lý, nhằm giúp nhà trường đánh giá đúng thực trạng công tác ứng dụng CNTT, CDS trong năm học để qua đó có giải pháp, kế hoạch khắc phục những tồn tại và duy trì, phát huy những mô hình tiên tiến, đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng quản lý và dạy học.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong đánh giá.
- Kết quả đánh giá, xếp loại phải dựa trên hệ thống minh chứng phù hợp với các tiêu chí đánh giá.

II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT, CDS TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ DẠY HỌC

1. Tiến trình thực hiện:

Trình tự công tác đánh giá cụ thể như sau:

(1). Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá, xếp loại. Thành phần Hội đồng gồm các thành viên trong Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường và các đồng chí phụ trách CNTT, chuyển đổi số của đơn vị.

(2). Hội đồng tiến hành tổ chức thu thập các minh chứng và tiến hành đánh giá, xếp loại UDCNTT, chuyển đổi số căn cứ vào kết quả thực hiện được so với chỉ tiêu phân đầu trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2021-2022.

(3). Thông báo kết quả thống nhất trước Hội đồng nhà trường, lấy minh chứng lần 2 và hoàn thiện hồ sơ để báo cáo Phòng GD&ĐT.

2. Các yêu cầu khi đánh giá

(1). Đáp ứng yêu cầu thông tin và các chỉ tiêu trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT và thống kê giáo dục của ngành GD&ĐT thị xã năm học 2021-2022.

(2). Việc tự đánh giá, chấm điểm bắt buộc phải có các tài liệu, minh chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy, chính xác của việc đánh giá, chấm điểm.

(3). Số liệu báo cáo phải đầy đủ, chính xác, rõ ràng đảm bảo theo quy định.

(4). Thời hạn tổng hợp kết quả tự đánh giá: Các nhóm được phân công gửi bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần và các minh chứng liên quan đến kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của nhóm mình, về nhà trường qua Bộ phận hành chính **trước 17h00 ngày 01/6/2022**.

(5). Hồ sơ gửi bao gồm: Biên bản họp tự đánh giá của nhóm CNTT 9(theo bảng phân công); Bảng nội dung đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đã hoàn thành mục điểm tự chấm (theo mẫu gửi kèm theo văn bản này); các minh chứng kèm theo. Tất cả đóng thành quyển xếp theo thứ tự.

III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI

1. Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được đánh giá và xếp loại:

4 mức: *Xuất sắc; Tốt; Khá; Trung bình; Yếu.*

2. Yêu cầu cụ thể

a. *Loại Xuất sắc:* Có tổng số điểm đạt từ 180 điểm trở lên. Các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.6; 2.1; 2.2; 3.2; 5.1 đạt điểm tối đa, không có tiêu chí nào 0 điểm.

b. *Loại Tốt:* Có tổng số điểm từ 160 điểm trở lên, Các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.6; 2.1; 2.2; 3.2; 5.1 đạt điểm tối đa, không có tiêu chí nào 0 điểm.

c. *Loại khá:* Có tổng số điểm từ 140 điểm trở lên; có tối đa 02 tiêu chí 0 điểm.

d. *Loại Trung bình:* Có tổng số điểm từ 120 điểm trở lên; có tối đa 05 tiêu chí 0 điểm.

e. *Loại Yếu:* Là những trường hợp còn lại.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu

- Hiệu trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ cuối năm học tự đánh giá, chấm điểm cho trường mình;

2. Tổ chuyên môn, giáo viên CNTT, thư ký hội đồng:

- Căn cứ tình hình thực tế việc UDCNTT, chuyển đổi số của nhà trường trong từng lĩnh vực thực hiện thu thập minh chứng, cùng Hội đồng đánh giá thực hiện đánh giá xếp loại kết quả ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của nhà trường năm học 2021- 2022.

- Hoàn thiện hồ sơ gồm: Biên bản họp hội đồng tự đánh giá của nhà trường; Bảng nội dung đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT, CDS đã hoàn thành mục điểm tự chấm (theo mẫu gửi kèm theo văn bản này); các minh chứng kèm theo. Tất cả đóng thành quyển xếp theo thứ tự.

- Gửi hồ sơ kết quả tự đánh giá bằng 02 hình thức:

+ Văn bản nộp trực tiếp về Phòng GD&ĐT, Bộ phận CNTT tiếp nhận;

+ Bản điện tử (định dạng PDF); “Bảng nội dung đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT” đã hoàn thành mục điểm tự chấm lên hệ thống trực tuyến được chia sẻ qua email của trường trên Driver Google theo địa chỉ: https://drive.google.com/drive/folders/1FSa1oIdo_WYT-WQS0XLQcOQ2YBiYmmw5?usp=sharing .

Trên đây là kế hoạch đánh giá xếp loại kết quả ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, năm học 2021- 2022, nếu có vướng mắc đề nghị các đồng chí báo cáo về hiệu trưởng để thống nhất phương án giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c0
- Các TCM, bộ phận CNTT (t/h);
- Lưu: VT, CNTT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Ánh Tuyết

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ
(Kèm theo kế hoạch số 208/KH-THCSMK2 ngày 29/5/2022)

Nhóm 1: đ/c Diệp, Chiến, Hoà (Tin)

Thu thập minh chứng, hoàn thiện bảng đánh giá tiêu chí 1:

1. Ứng dụng CNTT, CDS trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai Chính phủ điện tử (50 điểm) (*bảng chi tiết kèm theo*)
Xây dựng các biên bản kiểm tra gửi cho các nhóm.
Tập hợp hồ sơ, minh chứng cả trường. Hoàn thiện biên bản đánh giá chung của HĐ tự đánh giá.

Nhóm 2: Gồm các đ/c Hoà (Toán); Dịu, Hằng, Thanh, Bích (tin), Hạnh (tin); Vân, Đông:

Thu thập minh chứng, hoàn thiện bảng đánh giá tiêu chí 2,5:

2. Ứng dụng CNTT vào đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá (70 điểm)
5. Công tác chỉ đạo, tổ chức và triển khai ứng dụng CNTT của đơn vị (30 điểm)

Nhóm 3: Gồm đ/c Tươi, Hải:

Thu thập minh chứng, hoàn thiện bảng đánh giá tiêu chí 3,4:

3. Triển khai hạ tầng và thiết bị Công nghệ thông tin (30 điểm)
4. Khai thác, sử dụng phần mềm tự do nguồn mở (20 điểm)

BẢNG NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ VÀ DẠY HỌC
(kèm theo Công văn số 502/PGD&ĐT-CNTT, ngày 18/5/2022 của Phòng GD&ĐT Đông Triều)

1. Ứng dụng CNTT, CDS trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai Chính phủ điện tử (50 điểm)

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	MINH CHỨNG CẦN CÓ
1	1.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan					
	<i>1.1.1. Sử dụng Hệ thống quản lý trường học SMAS</i>	<i>Sử dụng thành thạo, không bị cấp trên nhắc nhở đạt điểm tối đa. Bị nhắc nhở trừ 1 điểm/1 lần.</i>	10			Các văn bản, email chỉ đạo, nhắc nhở của Sở, Phòng
	<i>1.1.2. Sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành</i>	<i>Sử dụng thành thạo, không bị cấp trên nhắc nhở đạt điểm tối đa. Bị nhắc nhở trừ 1 điểm/1 lần.</i>	5			Các văn bản, email chỉ đạo, nhắc nhở của Sở, Phòng
	<i>1.1.3. Cập nhật văn bản chỉ đạo tại Phòng Giáo dục điện tử https://dongtrieu.edu.vn/</i>	<i>Thường xuyên truy cập điểm tối đa; ít hơn 1 lần/ngày điểm 0</i>	3			
	<i>1.1.4. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ khác</i>	<i>Có sử dụng điểm tối đa, không sử dụng điểm 0</i>	2			Tên phần mềm
	1.2. Sử dụng ký số cho văn bản: <i>Số lượng văn bản đi điện tử có chữ ký số của Lãnh đạo trường và chữ ký số của cơ quan.</i>	<i>Trên 100 văn bản, điểm tối đa; từ 20-100 được 2 điểm; dưới 20 điểm 0.</i>	3			Liệt kê số CV trong sổ CV đi.
	1.3. Thông tin công khai					
	<i>- Công khai đủ các thông tin theo thông tư 09/2009 TT-BGDĐT của Bộ GD; Thông tư 21/2005 của Bộ Tài chính trên Website của đơn vị.</i>	<i>Công khai theo quy định điểm tối đa, thiếu 0 điểm</i>	2			Chụp màn hình phần công khai hóa của đơn vị
	1.4. Phòng họp trực tuyến					
	<i>1.1.1. Thiết bị CNTT phục vụ họp trực tuyến</i>					

	- Có đủ thiết bị dành riêng cho phục vụ họp trực tuyến và hoạt động đảm bảo: Máy vi tính, loa, amply, camera (webcam), micro		3			Có danh sách thiết bị họp trực tuyến
	- Thiếu thiết bị, hoạt động không đảm bảo trong các lần giao ban,..		0			
	1.1.2. Tham gia đủ các buổi giao ban kỹ thuật	Tham gia đủ, điểm tối đa. Thiếu từ 1 buổi, điểm 0	1			
	1.5. Hệ thống Camera					
	1.5.1. Có hệ thống camera hoạt động ổn định	Có điểm tối đa, chưa có 0 điểm	3			Hình chụp màn hình hệ thống camera
	1.5.2. Hệ thống Camera đã được cập nhật lên Phòng Giáo dục điện tử	Đã cập nhật điểm tối đa, chưa cập nhật 0 điểm	3			Chụp màn hình website hệ thống camera các trường trên website của ngành
	1.5.3. Công khai hệ thống camera tới PHHS	Đã công khai điểm tối đa, chưa công khai 0 điểm	2			Màn hình PHHS xem hệ thống camera
	1.6. Thư điện tử tên miền @dongtrieu.edu.vn					
	1.6.1. Lãnh đạo đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử tên miền @dongtrieu.edu.vn trong công việc					
	- Ít nhất 1lần/ngày		5			
	- Cách ngày		2			
	1.6.2. Tỷ lệ GV,NV thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử tên miền @dongtrieu.edu.vn trong công việc					
	- Từ 80% - 100% Ít nhất 1lần/ngày		2			
	- Truy cập ít nhất 1lần/ngày dưới 80% trở xuống		0			
	1.7. Sử dụng Hệ thống tuyển sinh trực tuyến đầu cấp của ngành					
	1.7.1. Đăng ký thông tin tuyển sinh trên hệ thống	Thông tin rõ ràng, chính xác, kịp thời đạt điểm tối đa; chưa cập nhật kịp thời 01 điểm	3			Ảnh chụp màn hình thông tin đăng ký tuyển

						sinh trực tuyến của nhà trường
	1.7.2. Tỷ lệ đăng ký tuyển sinh trực tuyến	Đạt từ 50% trở lên điểm tối đa; dưới 50% được 01 điểm.	3			Danh sách đăng ký trên hệ thống và danh sách học sinh tuyển sinh đầu cấp của nhà trường

2. Ứng dụng CNTT vào đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá (70 điểm)

2	2.1. Tổ chức dạy học, hội họp trực tuyến					
	2.1.1. Thực hiện kế hoạch dạy học trực tuyến					
	- Đúng kế hoạch		10			Tổng số tiết thực hiện/số tiết xây dựng trong kế hoạch
	- Không đúng kế hoạch		5			
	2.1.2. Tỷ lệ Giáo viên dạy trực tuyến	100% Giáo viên dạy trực tuyến đạt điểm tối đa, Từ 2 Giáo viên trở lên không dạy trực tuyến 0 điểm	5			Thời khóa biểu, phân công giảng dạy trực tuyến
	2.1.3. Tỷ lệ học sinh học trực tuyến	100% học sinh học trực tuyến đạt điểm tối đa, Cứ giảm 10% học sinh học trực tuyến trừ 01 điểm	5			Báo cáo của đơn vị có số liệu này
	2.1.4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng phần mềm giảng dạy trực tuyến cho GV	Có tổ chức, đạt điểm tối đa. Không tổ chức điểm 0	5			Kế hoạch, kết luận, ảnh chụp các chuyên đề bồi dưỡng
	2.1.5. Tổ chức họp Hội đồng, sinh hoạt tổ chuyên môn, họp phụ huynh trực tuyến	Có tổ chức, đạt điểm tối đa. Không tổ chức điểm 0	5			Ảnh chụp màn hình kế hoạch, tin nhắn mời họp
	2.2. Soạn duyệt Kế hoạch bài giảng online: Tỷ lệ giáo viên soạn online					Ảnh chụp trên hệ thống
	- Đạt 100%		6			

- Từ 80% đến dưới 100%		4			
- Từ 65% đến dưới 80%		2			
- Dưới 65%		0			
2.3. Thiết kế bài giảng E-learning					
2.3.1. Tỷ lệ giáo viên tham gia dự thi bài giảng E-learning trong tổng số giáo viên toàn trường					Danh sách đăng ký cấp thị xã năm học 2020-2021
- Đạt 100%		10			
- Từ 50% đến dưới 100%		5			
- Từ 35% đến dưới 50%		2			
- Từ 20% đến dưới 35%		1			
- Dưới 20%		0			
2.3.2. Tham dự Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử năm 2021 do Bộ GD&ĐT tổ chức	Có từ 03 bài trở lên đạt điểm tối đa; không tham gia 0 điểm	5			- Giấy chứng nhận điện tử do BTC Cuộc thi cấp Bộ
2.4. Bồi dưỡng giáo viên trên hệ thống ETEP, đánh giá chuẩn CBGV trên TEMIS					
2.4.1. Hoàn thành các nội dung tập huấn, bồi dưỡng, đánh giá.	100% CBGV hoàn thành đạt điểm tối đa; từ 02 CBGV chưa hoàn thành tiến độ 0 điểm	5			Ảnh chụp màn hình thông báo hoàn thành
2.5. Tham gia các cuộc thi qua mạng internet (nếu có)					
2.5.1. Tỷ lệ Giáo viên, học sinh tham gia (toàn trường)					Báo cáo có số liệu trên
- Từ 65% trở lên		5			
- Từ 20% đến dưới 65%		4			
- Từ 10% đến dưới 20%		3			
- Trên 0% đến dưới 10%		2			
2.5.2. Kết quả Cấp quốc gia(chọn mức cao nhất)					
+ Giải Nhất	Có từ 01 giải	6			QĐ công nhận giải

	+ Giải Nhì	Có từ 01 giải	5			
	+ Giải Ba	Có từ 01 giải	4			
	+ Khuyến khích	Có từ 01 giải	3			

3. Triển khai hạ tầng và thiết bị Công nghệ thông tin (30 điểm)

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ (Chứng Minh số liệu)
3	3.1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin					
	3.1.1. Môi trường chuyên môn - Trang bị 2 máy tính, 2 máy in - Trang bị 1 máy tính, 1 máy in - Trang bị 1 máy tính, 1 máy in/1 tổ		4 2 1			Ảnh chụp các hệ thống trên có chú thích rõ ràng
	3.1.2. Tỷ lệ máy tính văn phòng, phục vụ hoạt động chuyên môn (trừ phòng tin học) được trang bị phần mềm diệt virus					Ảnh chụp màn hình máy tính có phần mềm diệt virus bản quyền
	- Đạt 100%.		3			
	- Từ 80% đến dưới 100%		2			
	- Từ 50% đến dưới 80%		1,5			
	- Dưới 50%		1			
	3.1.3. Trang bị hệ thống an toàn chống sét cho hệ thống máy tính	Có điểm tối đa, không 0 điểm	2			Ảnh chụp hệ thống chống sét cho cả trường
	3.1.4. Số lượng thuê bao internet cáp quang FTTH nhà trường đang sử dụng	Một thuê bao 1 điểm, từ 2 thuê bao điểm tối đa	2			Ảnh chụp hóa đơn nhà cung cấp dịch vụ
	3.1.5. Tỷ lệ máy vi tính trong phòng tin học	Có phòng và đạt tỷ lệ, điểm tối đa;				Báo cáo có số liệu nêu trên
	- Tiểu học: Đạt tỷ lệ 24 học sinh/1 máy		2			
	- THCS: Đạt tỷ lệ 16 học sinh/1 máy		2			

	- MN: Có phòng học kidsmart	Không có phòng và không đạt tỷ lệ, điểm 0.	2			
	3.2. Cung cấp các thông tin lên website đơn vị					
	3.2.1. Chức năng Quản lý bài viết: Tin tức hoạt động	Từ 4 tin/tháng điểm tối đa. Từ 2-3 tin/tháng ½ điểm Từ 0-1 tin/tháng 0 điểm	5			Ảnh chụp màn hình website
	3.2.2. Chức năng Quản lý thư viện tài liệu					
	- Thư viện ảnh	Cập nhật đủ, tách biệt các ảnh hoạt động trong năm, đạt điểm tối đa. bỏ 1 trừ ½ điểm, bỏ từ 2 lần 0 điểm	2			Ảnh chụp màn hình website
	- Thư viện tài nguyên					Ảnh chụp màn hình website
	+ Từ 500 tài liệu		5			
	+ Từ 300 đến dưới 500		2			
	+ Từ 100 đến dưới 300		1			
	+ Dưới 100		0			
	3.3.3. Chức năng Lịch công tác	Cập nhật đủ lịch công tác theo ngày, điểm tối đa. Bỏ từ 1 lần điểm 0	5			Ảnh chụp màn hình website

4. Khai thác, sử dụng phần mềm tự do nguồn mở (20 điểm)

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ (Chứng Minh số liệu)
4	4.1. Triển khai việc khai thác, sử dụng phần mềm tự do mã nguồn mở trong dạy môn Tin học tại đơn vị	Có triển khai, điểm tối đa; Không triển khai, điểm 0.	5			- Báo cáo có nội dung trên

	4.2. Có các sản phẩm khoa học kỹ thuật, đồ dùng học tập tự làm có ứng dụng CNTT, phần mềm,					Liệt kê tên các sản phẩm đã tạo ra
	- Có 01 sản phẩm		10			
	- Có từ 2 sản phẩm trở lên		15			

5. Công tác chỉ đạo, tổ chức và triển khai ứng dụng CNTT của đơn vị (30 điểm)

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ (Chứng Minh số liệu)
5	5.1. Cơ chế, chính sách, các biện pháp ban hành nhằm thúc đẩy việc ứng dụng CNTT tại đơn vị					
	5.1.1. Có đủ các kế hoạch chỉ đạo ứng dụng CNTT do phòng GD&ĐT yêu cầu (kế hoạch UD CNTT, PHTM ...)	Có đủ KH, điểm tối đa. Thiếu KH đạt ½ điểm	10			Các văn bản đính kèm
	5.1.2. Có ưu đãi cho cán bộ phụ trách CNTT (Cung cấp văn bản quyết định mức phụ cấp, bảng lương,)	Có phụ cấp, điểm tối đa. Không phụ cấp điểm 0	5			Có minh chứng hỗ trợ
	5.1.3. Có ban hành văn bản hoặc chỉ đạo CBGV, NV tăng cường ứng dụng CNTT (Cung cấp văn bản chỉ đạo hoặc thông báo bằng văn bản kết luận của cuộc họp giao ban có nội dung này)	Đầy đủ VB, điểm tối đa ."không có" điểm 0	5			Số văn bản, ngày tháng ban hành
	5.2. Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại việc ứng dụng CNTT của đơn vị, của đội ngũ CBGV, NV trong đơn vị	Có ban hành, điểm tối đa; Không ban hành, điểm 0.	5			
	5.3. Có giải pháp sáng tạo đã ứng dụng vào thực tế đạt hiệu quả trong hoạt động của đơn vị, hoạt động chuyên môn	có 1 giải pháp đạt 1đ; có từ 2 giải pháp đạt 2đ	5			Tên đề tài, giải pháp sáng tạo